

Bản án số: **31/2019/HNGĐST**

Ngày 31-5-2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Minh Sơn**

2. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST–HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST–HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đặng Hoàng T1** – sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị N** – sinh năm 1994 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: tổ 9, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Đặng Hoàng T1 trình bày:**

Anh và chị Lê Thị N chung sống với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ vào ngày 28 tháng 8 năm 2012. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới,

vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 4 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có nhiều vấn đề phát sinh về tiền bạc, dẫn đến cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Sau đó, chị N dẫn hai cháu Đặng Hoàng Anh T2 và Đặng Ngọc Như Y về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang sinh sống và anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 4/2017 cho đến nay. Thỉnh thoảng, anh T1 có đến nhà cha mẹ ruột của chị N để thăm nom các con.

- Về con chung: Anh T1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung:

1. Đặng Hoàng Anh T2 – sinh ngày 23/10/2012

2. Đặng Ngọc Như Y – sinh ngày 08/6/2014

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống chung với chị N.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T1 yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T1 yêu cầu được ly hôn với chị N.

- *Về quan hệ con chung:* Anh T1 xin giao hai cháu Đặng Hoàng Anh T2 – sinh ngày 23/10/2012 và Đặng Ngọc Như Y – sinh ngày 08/6/2014 cho chị N nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn chị Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do nên chị N không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về thủ tục tố tụng:*** Yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Hoàng T1 được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Chị Lê Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị N vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa anh T1 yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử

thống nhất căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Lê Thị N.

Xét yêu cầu xin ly hôn và giao con cho chị Lê Thị N nuôi dưỡng của anh Đặng Hoàng T1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy anh Đặng Hoàng T1 và chị Lê Thị N chung sống với nhau được Ủy ban Nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 178, ngày 28/8/2012 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] *Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T1:* Xét thấy, trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh T1 và chị N chung sống hạnh phúc. Đến đầu tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có nhiều vấn đề phát sinh về tiền bạc, dẫn đến cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Sau đó, chị N dẫn hai cháu Đặng Hoàng Anh T2 và Đặng Ngọc Như Y về nhà mẹ ruột tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang sinh sống. Mặt khác, anh T1 và chị N đã ly thân với nhau từ tháng 4/2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh T1 yêu cầu được ly hôn với chị N là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Xét yêu cầu giao con cho chị N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con của anh T1:*

Xét thấy, từ tháng 4 năm 2017 đến nay hai cháu Đặng Hoàng Anh T2 và Đặng Ngọc Như Y đang được chị N nuôi dưỡng, chị N vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của hai cháu, thiết nghĩ không nên làm xáo trộn về mặt tâm sinh lý của cháu T2 và cháu Y. Do vậy, yêu cầu giao con cho chị N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con của anh T1 là có căn cứ.

Nếu sau này chị Lê Thị N có yêu cầu thay đổi quyền nuôi con hoặc có yêu cầu anh Đặng Hoàng T1 cấp dưỡng nuôi con thì có thể khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh T1 xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn

nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Hoàng T1:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Hoàng T1 được ly hôn với chị Lê Thị N.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao hai cháu Đặng Hoàng Anh T2 – sinh ngày 23/10/2012 và Đặng Ngọc Như Y – sinh ngày 08/6/2014 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đặng Hoàng T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Anh Đặng Hoàng T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đặng Hoàng T1 ly hôn với chị Lê Thị N.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Đặng Hoàng Anh T2 – sinh ngày 23/10/2012 và cháu Đặng Ngọc Như Y – sinh ngày 08/6/2014 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đặng Hoàng T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Hoàng T1 được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Đặng Hoàng T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai

thu số 0005370 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND xã T, huyện C, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo